CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD1

Ngày 31/03/2025	6,870 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	18.4%	**14.5%**	**13.0%**

DT thuần
Q1/25
5.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▼123| -95.8%
YoY: ▼56.0| -91.2%

LN thuần
Q1/25
0.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.30| 101%
YoY: ▼1.18| -97.8%

LN sau thuế
Q1/25
0.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.96| -99.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
18.5%
YoY: +/-▲ 12.7%

ROE (TTM)
Q1/25
2.2%
YoY: +/-▲ 0.0%

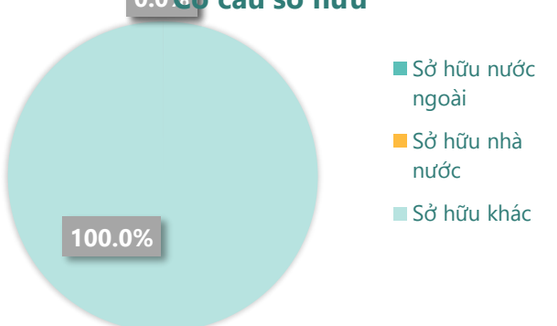
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,981 - 7,090
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	69
Số lượng CPLH (CP)	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,750
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	
EPS	321
P/E	21.4

DT thuần
2024
233
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 49.0| 27.0%

LN thuần
2024
-2.12
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.03| -2180%

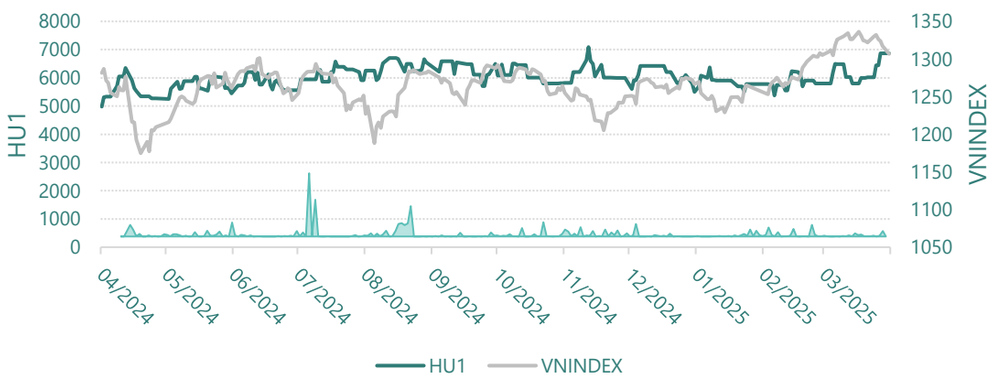
LN sau thuế
2024
4.48
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.48|

Cơ cấu sở hữu

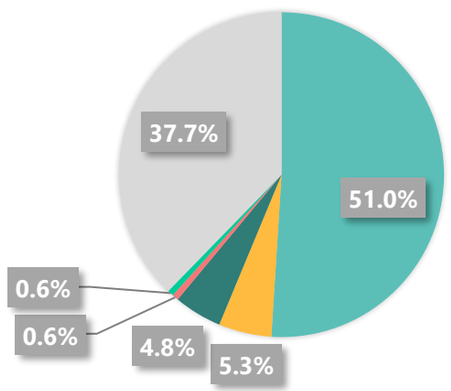


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

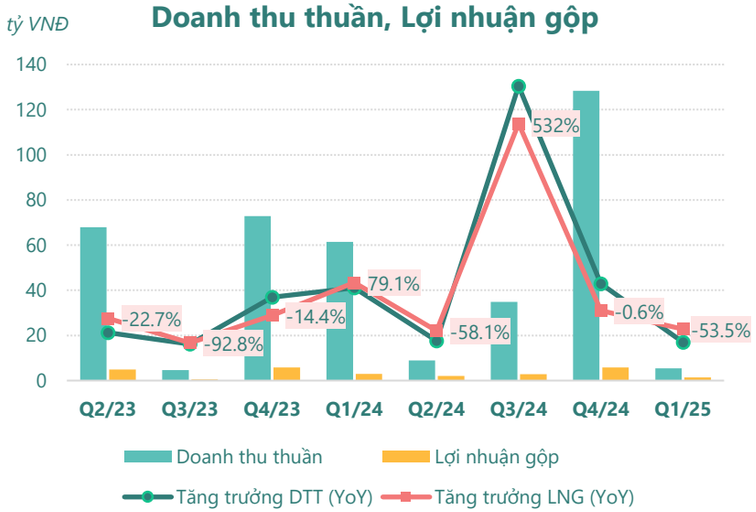


- Vũ Nhật Tuấn
- Nguyễn Duy Chính
- Nguyễn Thị Mai Lan
- Nguyễn Văn Dân
- Dương Tất Khiêm (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

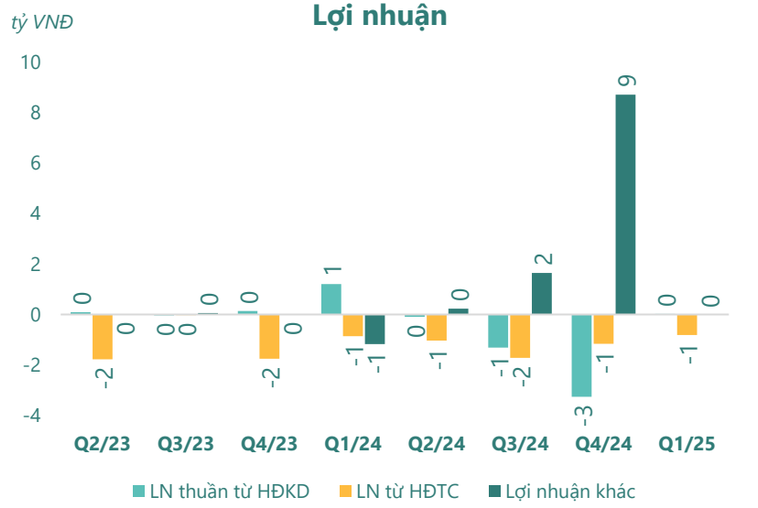
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



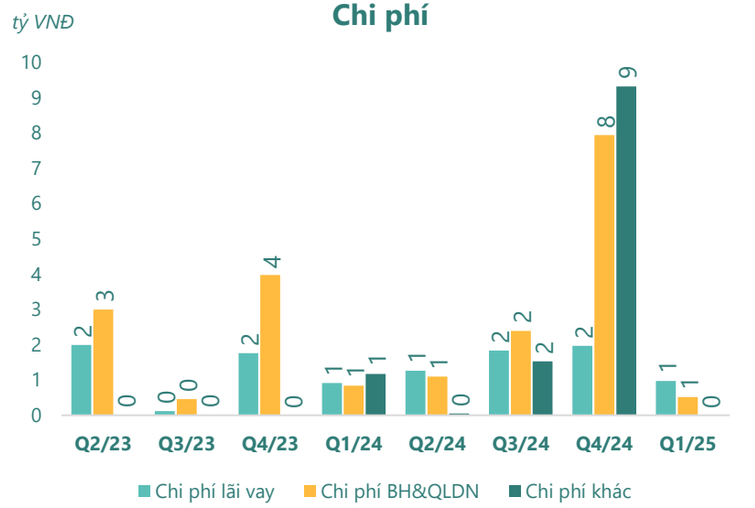
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



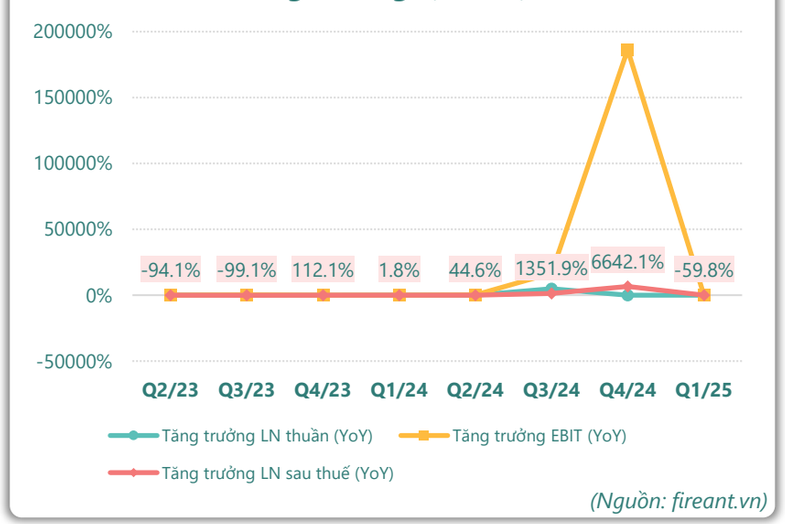
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



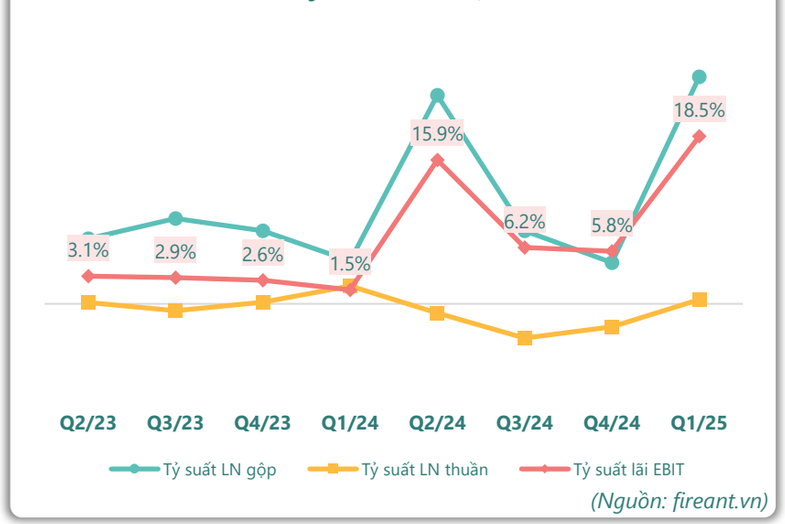
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



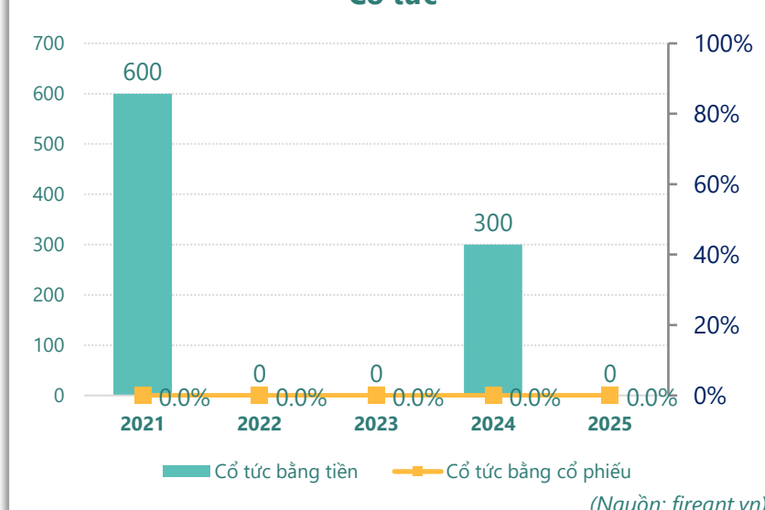
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

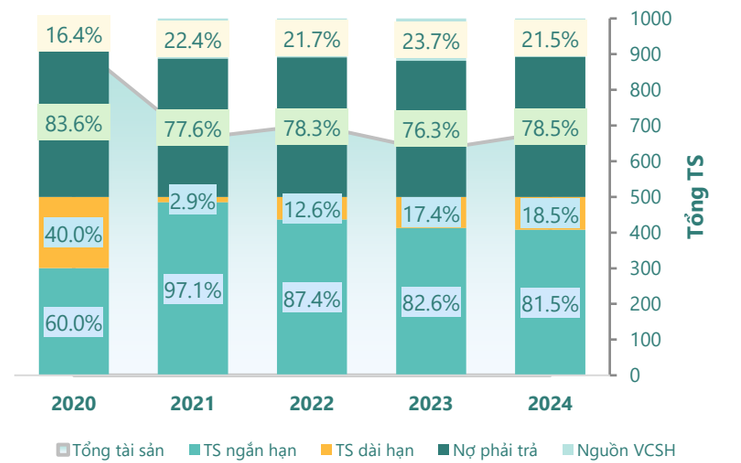
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

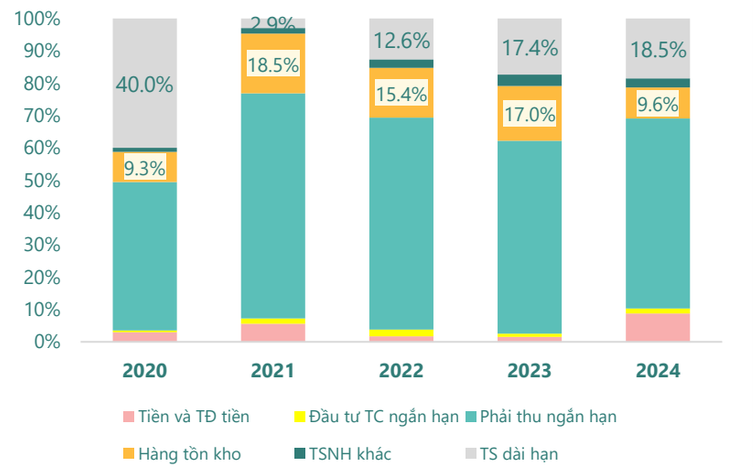
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



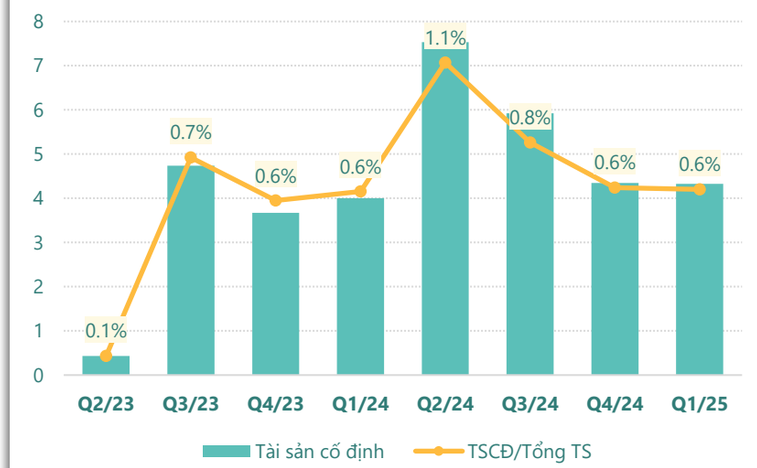
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



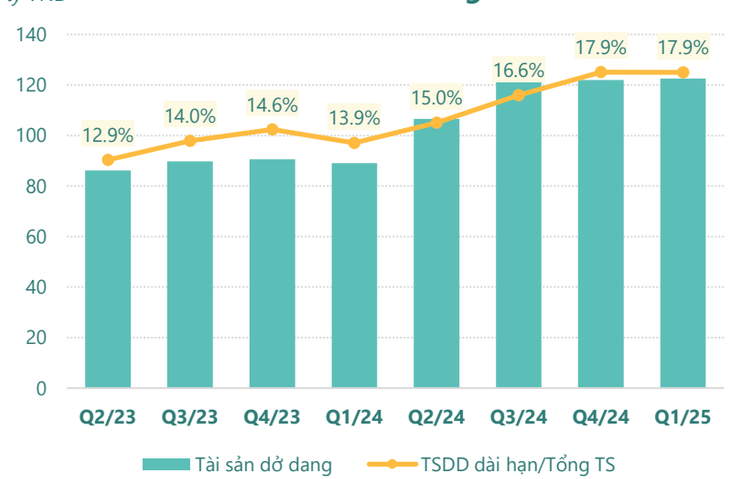
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



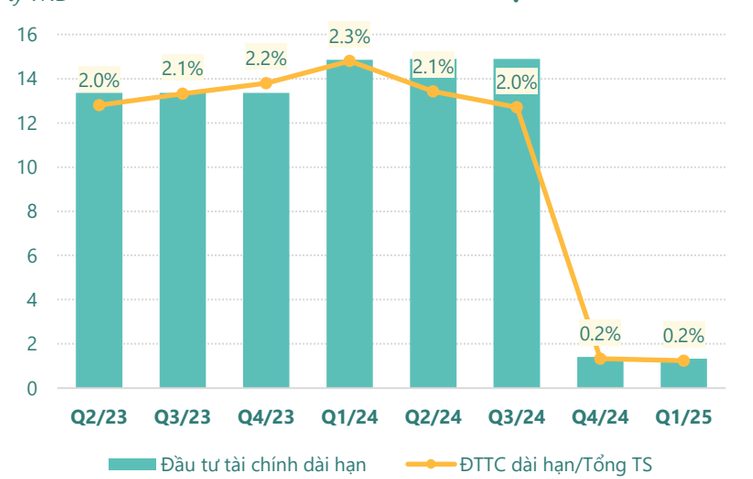
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



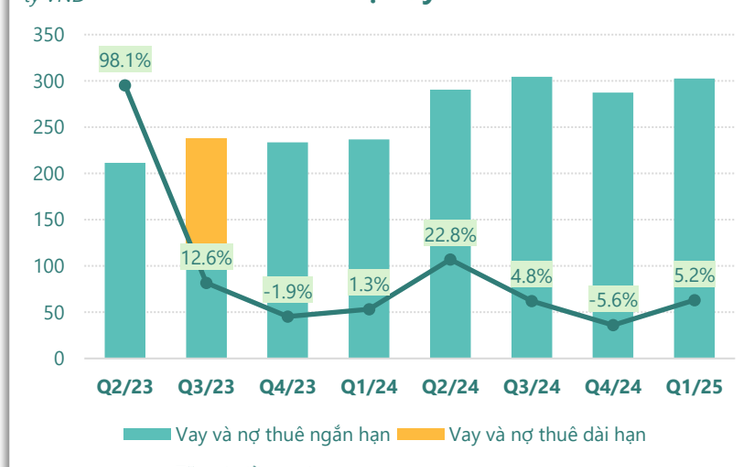
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

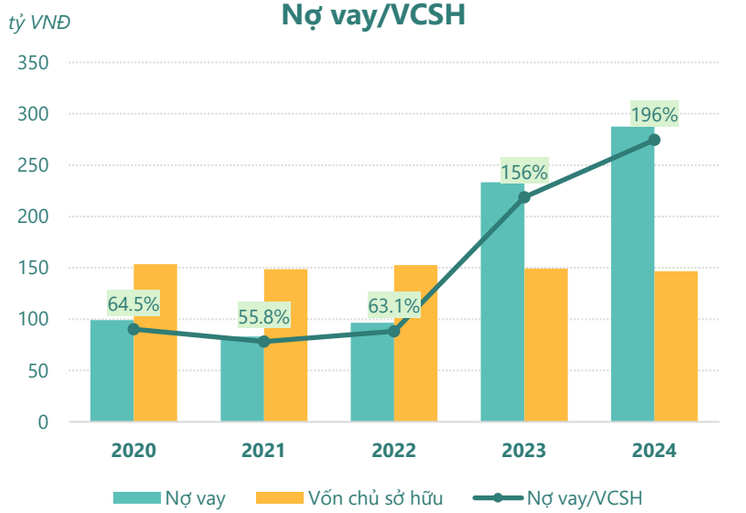
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

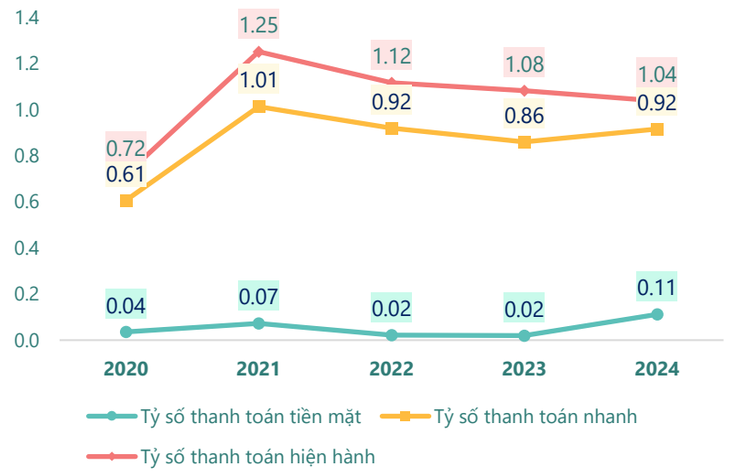
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



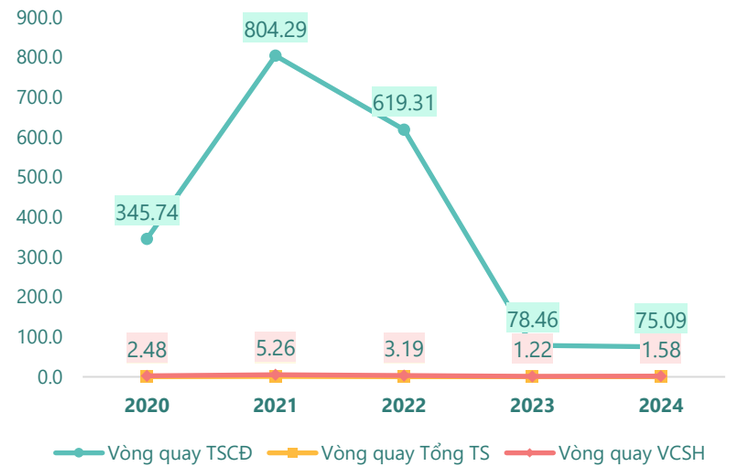
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



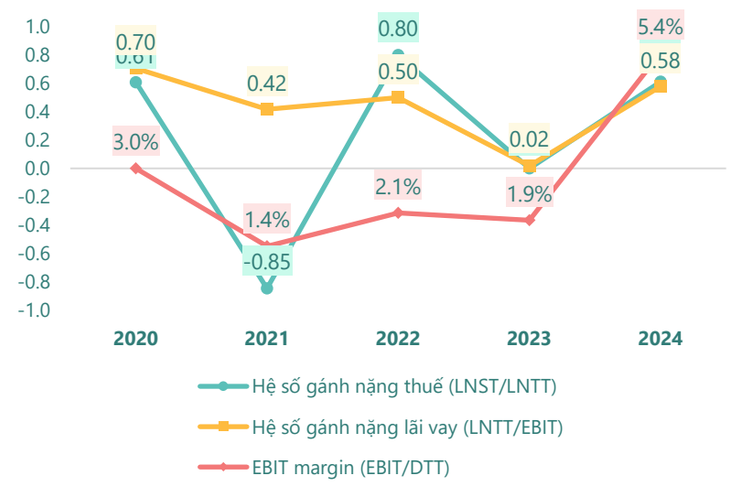
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



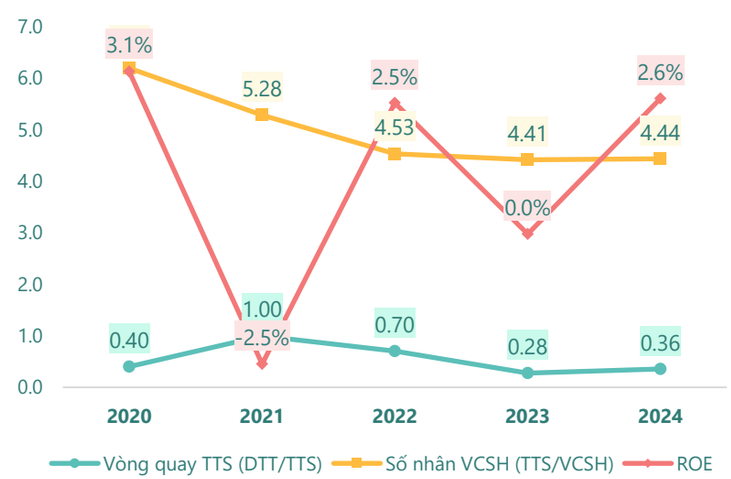
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



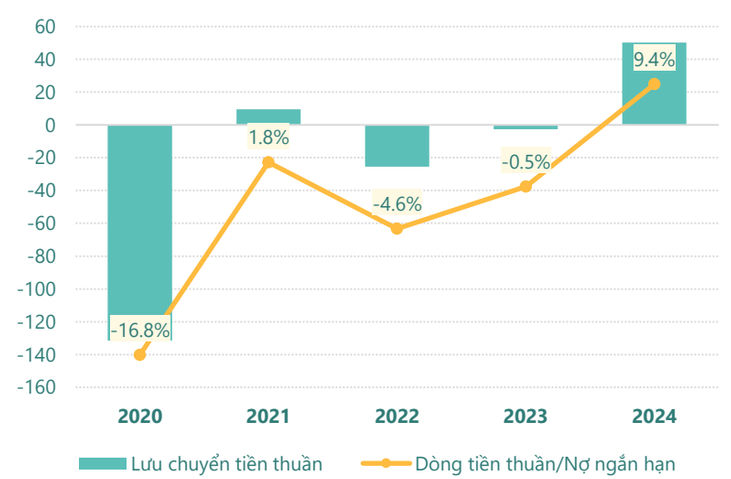
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5.40**	**61.4**	**-91.2%**	**233**	**184**	**27.0%**
Giá vốn hàng bán	4.05	58.5	-93.1%	219	173	26.9%
Lợi nhuận gộp	1.35	2.91	-53.5%	14.2	11.0	29.3%
Doanh thu HĐTC	0.16	0.05	217%	1.35	0.51	164%
Chi phí TC	0.97	0.91	6.7%	5.37	3.43	56.5%
Chi phí lãi vay	0.97	0.91	6.7%	5.37	3.43	56.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**	**0.00**	**-19.5%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.51**	**0.84**	**-38.9%**	**12.3**	**8.14**	**50.8%**
LN thuần từ HĐKD	0.03	1.21	-97.8%	-2.12	-0.09	-2180%
Lợi nhuận khác	**0**	**-1.18**	**100%**	**9.45**	**0.16**	**5883%**
LN trước thuế	0.03	0.03	-13.1%	7.33	0.07	11167%
Lợi nhuận sau thuế	**0.02**	**0.02**	**4.4%**	**4.48**	**0.00**	**606244%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.02**	**0.02**	**-1.8%**	**3.85**	**-0.04**	**9324%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	24.0	34.7	33.5	-13.4	15.3	-19.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.05	0.19	-4.44	0.00	0.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.2	-30.7	0.15	-1.14	16.1	-14.6
Tiền đầu kỳ	10.8	9.54	13.6	47.5	28.4	59.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.14**	**3.98**	**33.9**	**-19.0**	**31.5**	**-34.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.7	13.5	47.5	28.4	59.8	25.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**687**	**682**	**0.7%**
Tài sản ngắn hạn	558	556	0.4%
Tiền và tương đương tiền	25.8	59.8	-56.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.8	10.8	0.0%
Phải thu ngắn hạn	389	400	-2.8%
Hàng tồn kho	109	65.6	65.9%
Tài sản ngắn hạn khác	24.0	19.5	23.1%
Tài sản dài hạn	**128**	**126**	**1.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.33	2.12	104%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	123	122	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.33	1.90	-29.7%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	540	535	0.9%
Nợ ngắn hạn	**540**	**535**	**0.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	302	287	5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	51.7	86.9	-40.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**147**	**147**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**147**	**147**	**0.0%**
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)